

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

Bùi Thị Minh Nguyệt¹, Lê Văn Thanh²

¹*Trường Đại học Lâm nghiệp*

²*Tổng cục Lâm nghiệp*

TÓM TẮT

Bài báo đánh giá kết quả hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR) trong 10 năm qua (2008-2018) trên các khía cạnh: Nguồn thu của Quỹ, cơ cấu nguồn thu, tình hình sử dụng nguồn thu của Quỹ, kết quả đạt được so với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra của Quỹ theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP. Bài báo đã phân tích được những thành công và những hạn chế của Quỹ. Sau 10 năm triển khai, số lượng Quỹ đã được thành lập tăng nhanh với 45 Quỹ, tổng nguồn thu dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) là thu về là 10.026,176 tỷ đồng, gồm tiền DVMTR và tiền trồng rừng thay thế. Nguồn thu chi trả DVMTR đã đóng góp 18% tổng mức đầu tư cho ngành lâm nghiệp, góp phần quản lý và bảo vệ hiệu quả 6,398 triệu ha rừng, góp phần xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng. Trong sự thành công của chính sách có vai trò to lớn của hệ thống Quỹ BV&PTR các cấp trong việc triển khai chính sách. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như việc quản lý, tổ chức và hoạt động chủ yếu xoay quanh nhiệm vụ thực hiện ủy thác chi trả DVMTR, một số mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra chưa được thực hiện hoặc không thực hiện. Từ những phân tích, đánh giá, bài báo đã đưa ra những đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ trong thời gian tới, cụ thể: Tiếp tục nghiên cứu tăng nguồn thu cả về số lượng và cơ cấu; Tăng cường vai trò chủ động của hệ thống quỹ; Thành lập Quỹ BV&PTR cộng đồng dân cư thôn; Tăng cường tuyên truyền, quảng bá về hệ thống Quỹ và chính sách chi trả DVMTR...

Từ khóa: chi trả, chính sách lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chi trả DVMTR là quan hệ cung ứng và chi trả giữa bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Chính sách chi trả DVMTR được coi là một chính sách đột phá của Việt Nam trong một thập kỷ vừa qua, liên quan đến 02 văn bản liên quan là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 về Quỹ BV&PTR và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 về chính sách chi trả DVMTR. Quỹ BV&PTR với mục đích: (i) Huy động các nguồn lực của xã hội để BV&PTR, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa (XHH) nghề rừng; (ii) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác BV&PTR của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng; (iii) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng (BVR) cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp. Đây là bộ máy nòng cốt trong quản lý thực hiện chính sách chi trả DVMTR từ Trung ương đến các địa phương, mang lại những thành công rất ấn tượng, được Bộ NN&PTNT đánh giá là một trong 10 thành tựu nổi bật của ngành nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010-2015.

Bài báo này dựa trên kết quả đánh giá về kết quả 10 năm tổ chức, hoạt động của Quỹ BV&PTR, khuyến nghị các giải pháp nhằm tiếp tục tăng cường năng lực cho hệ thống Quỹ, giữ vững vai trò quan trọng là tổ chức tài chính ngoài ngân sách thực hiện đầu tư hiệu quả cho công cuộc BV&PTR, góp phần thực hiện thành công chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các nguồn số liệu thứ cấp như sau:

- Các báo cáo đánh giá và kết quả thực thi chính sách chi trả DVMTR của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Trung ương và địa phương.

- Báo cáo hoạt động hàng năm của Quỹ BV&PTR.

- Các văn bản và chính sách liên quan về chi trả DVMTR.

Nghiên cứu tiến hành phân tích, đánh giá tổ chức và hoạt động Quỹ theo phương pháp phân tích hệ thống: Bắt đầu từ mục tiêu, các thiết kế đầu vào, các hoạt động, kết quả, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, các giải pháp, khuyến nghị và đề xuất trên cơ sở kết quả xử lý, phân tích, đánh giá hệ thống số liệu, tư liệu thu thập từ các Quỹ và các tài liệu thực địa.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả hoạt động của Quỹ BV&PTR

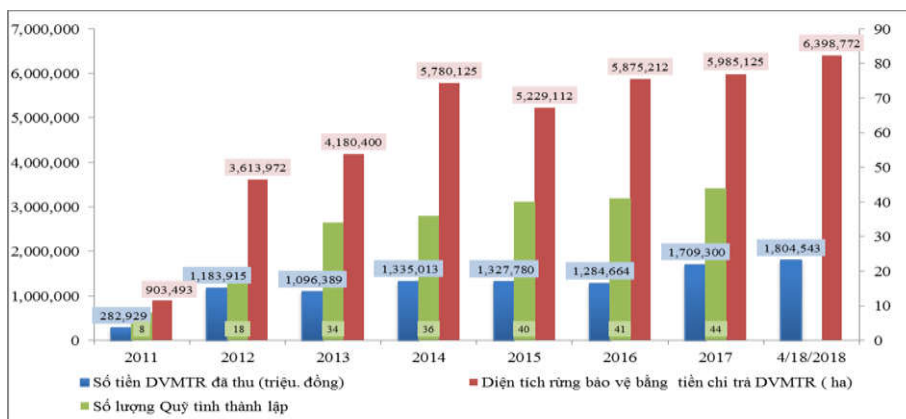
Năm 2008 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 về Quỹ BV&PTR, đây là cơ sở pháp lý để thành lập hệ thống Quỹ BV&PTR.

Mục đích thành lập Quỹ BV&PTR là: (1) Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương XHH nghề rừng; (2) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác BV&PTR của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng; (3) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và BVR cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp. Bên cạnh đó, Nghị định 05/2008/NĐ-CP cũng quy định về nguyên tắc, điều kiện thành lập Quỹ; Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ; Các nguồn tài chính chủ yếu của Quỹ; Hình thức tổ chức Quỹ.

Cơ chế tạo nguồn thu cho hệ thống Quỹ trên cơ sở Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả DVMTR. Có thể nói, 10 năm qua, nếu không có chính sách chi trả DVMTR, hệ thống các Quỹ BV&PTR không thể được thành lập hùng hậu; ngược lại nếu không có hệ thống Quỹ BV&PTR thì

chính sách chi trả DVMTR cũng không đạt được sự thành công như ngày nay. Sự tác động qua lại trong mối quan hệ giữa hệ thống quỹ và chính sách chi trả DVMTR được lồng ghép trong cơ chế ủy thác tiền chi trả DVMTR đã góp phần tạo sự thành công và duy trì được chính sách cho đến ngày nay. Việc thiết kế cơ chế sử dụng tiền chi trả DVMTR đối với các Quỹ BV&PTR khá hợp lý. Quỹ BV&PTR Trung ương (VNFF) và Quỹ BV&PTR cấp tỉnh là các tổ chức trung gian, được ủy thác nhận tiền từ bên sử dụng DVMTR và được ủy thác thực hiện chi trả DVMTR tới các chủ rừng, được nhận một tỷ lệ thích hợp từ số tiền ủy thác để chi cho các công tác quản lý theo cơ chế ủy thác và chi phí quản lý tài chính.

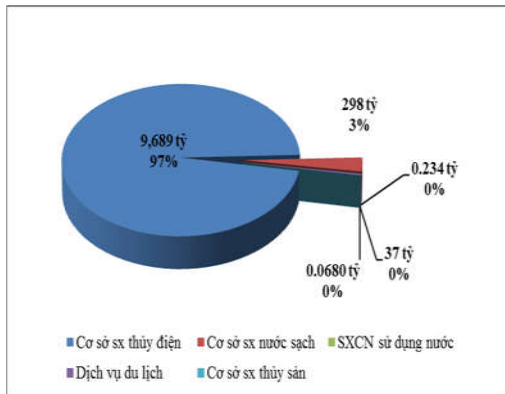
Mặc dù mới được thành lập 10 năm nhưng hệ thống Quỹ BV&PTR đã được thành lập gần hết các tỉnh, thành phố với 2 cấp là Trung ương và địa phương với tốc độ tăng nhanh số lượng quỹ và nguồn thu (Hình 1). Một số địa phương có nguồn thu lớn đã thiết lập hệ thống chi trả cấp huyện (Quỹ BV&PTR Sơn La đã thành lập 11 chi nhánh Quỹ BV&PTR cấp huyện). Kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ tương đối ổn định để chi lương và hoạt động chuyên môn, đặc biệt là không phải sử dụng nguồn NSNN cấp (VNFF, 2018).



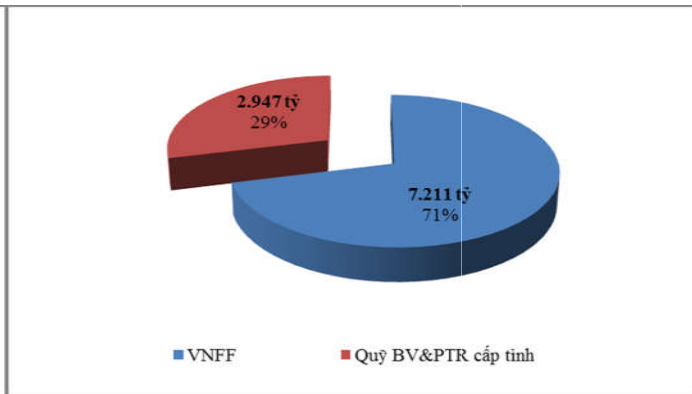
Hình 1. Kết quả tổ chức và hoạt động Quỹ BV&PTR giai đoạn 2011-4/2018

Trong 10 năm qua, nguồn thu của Quỹ đã được triển khai với hầu hết các dịch vụ được xác định trong Nghị định 99/2010/NĐ-CP. Tuy nhiên đang có sự mất cân đối đó là tập trung chủ yếu từ các cơ sở sản xuất thủy điện, các nguồn khác đang thấp và có nguồn mới đang

thí điểm chi trả (Chi trả cho dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng) (Hình 2). Sự đóng góp từ chi trả DVMTR đã gần bằng nguồn NSNN cho ngành lâm nghiệp. Về cơ cấu lượng tiền ủy thác chi trả DVMTR đang tập trung tại Quỹ Trung ương (trên 71%) (Hình 3).



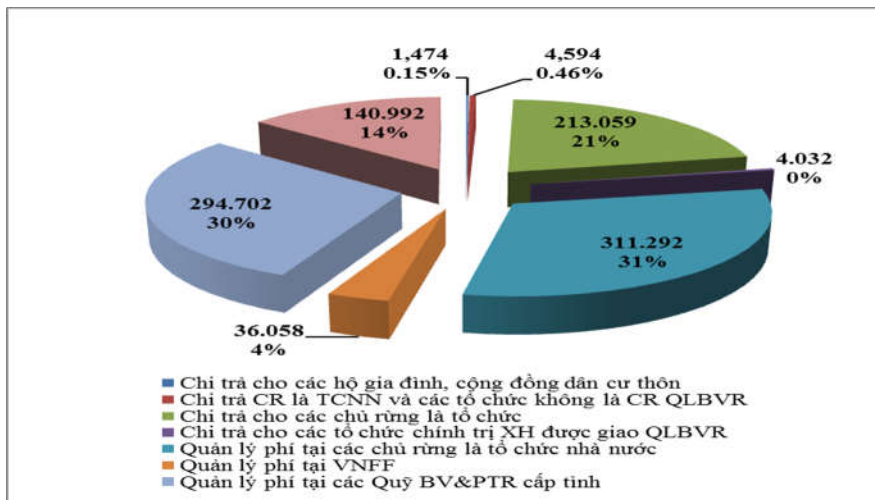
Hình 2. Cơ cấu nguồn tiền chi trả từ các bên sử dụng DVMTR



Hình 3. Cơ cấu lượng tiền ủy thác chi trả DVMTR qua VNFF và Quỹ BV&PTR cấp tỉnh

Số tiền từ DVMTR hiện nay đang được sử dụng để chi trả trực tiếp cho các chủ rừng khoảng 80%, chi trả cho công tác quản lý thực tế khoảng 20%, điều này phần nào thể hiện tính hiệu quả của chính sách (Hình 4) (VNFF trích 0,5%; Quỹ tỉnh tối đa 10%; chủ rừng là tổ chức Nhà nước 10%). Toàn bộ kinh phí bảo đảm cho hoạt động của hệ thống Quỹ BV&PTR từ VNFF đến 44 tỉnh, thành phố

được sử dụng nguồn từ chi trả DVMTR, NSNN hoàn toàn không phải đầu tư kinh phí cho 45 bộ máy vận hành hệ thống Quỹ BV&PTR. Tỷ lệ trích cho chi phí quản lý trên phạm vi toàn quốc đã phản ánh rõ nét chất lượng nội dung thiết kế cơ chế quản lý sử dụng tiền ủy thác chi trả DVMTR và hiệu quả hoạt động của hệ thống Quỹ BV&PTR.



Hình 4. Kết quả sử dụng tiền chi trả DVMTR giai đoạn 2011-2018 (ĐVT: Tỷ đồng)

Tuy nhiên, số tiền chi trả cho các chủ rừng là tổ chức nhà nước tự QLBBVR và tổ chức không phải chủ rừng nhưng được nhà nước giao trách nhiệm QLBBVR chiếm 73,09% tổng số tiền chi trả cho bên cung ứng DVMTR; trong khi số tiền chi trả cho cá nhân, các hộ gia đình và cộng đồng dân cư chỉ chiếm 23,45%. Đây là sự mất cân đối trong việc chi trả giữa các đối tượng, qua đó cho thấy các khó khăn trong công tác giao khoán BV&PTR hiện nay và diện tích rừng đang giao cho các tổ chức

không phải là chủ rừng QLBBVR còn lớn.

Trong giai đoạn 2011-2018, số lượng hộ được chi trả tiền DVMTR là 301.783 hộ, trong đó có 187.788 hộ ký hợp đồng khoán theo từng thôn, bản và 54.181 hộ ký hợp đồng khoán theo cộng đồng dân cư thể hiện tính xã hội hóa DVMTR của chính sách. Mặc dù vậy, ở một số vùng, mức chi trả DVMTR là khá thấp, diện tích rừng cung ứng DVMTR không lớn, nên chính sách này chưa có tác động đáng kể tới sinh kế và đời sống hộ gia đình (mức chi trả

thấp nhất ở Thanh Hóa có: 1.378 đồng/ha; Cao Bằng: 1.500 đồng/ha; Quảng Ninh: 2.233; Hà Giang: 3.360 đồng/ha; Điện Biên: 5.473 đồng/ha; Thừa Thiên-Huế: 7.842 đồng/ha; Ninh Thuận: 8.500 đồng/ha)¹. Ở một số địa phương như Sơn La, Nghệ An... số tiền được chi trả DVMTR được sử dụng làm quỹ phúc lợi của cộng đồng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thôn xóm... mang lại hiệu quả rất thiết thực. Đây là việc cần được đánh giá, rút kinh nghiệm để điều chỉnh, hướng dẫn quản lý sử dụng tiền chi trả DVMTR giữa hộ gia đình và cộng đồng thôn, bản để phát huy hiệu quả tối đa việc sử dụng tiền chi trả DVMTR.

Một đóng góp tích cực nữa cần được kể đến là việc hình thành quỹ dự phòng khắc phục thiên tai. Theo nguyên tắc quản lý quỹ, phần trích quỹ này không được vượt quá 5% số tiền chi trả DVMTR, chuyển về Quỹ BV&PTR cấp tỉnh. Từ 2011-2018, tổng số tiền trích quỹ dự phòng của cả nước là 140,992 tỷ đồng, bình quân chung cả nước tỷ lệ trích dự phòng của các tỉnh là: 1,5%. Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với nguyên tắc trích của Quỹ, từ đó cho thấy việc xây dựng cơ chế sử dụng Quỹ cần có những đánh giá và điều chỉnh sau một thời

gian vận hành để đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn Quỹ này.

Từ kết quả trên cho thấy, hệ thống quỹ BV&PTR đã hoạt động khá hiệu quả trong quá trình gắn kết tổ chức thực hiện chính sách chi trả DVMTR. Trong 10 năm qua, Quỹ đã thực hiện chi trả trên 10.000 tỷ đồng cho các chủ rừng, góp phần bảo vệ tốt trên 6,398 triệu ha rừng, đem lại nguồn thu nhập, hỗ trợ sinh kế, góp phần nâng cao đời sống của 301.783 hộ dân nghèo, trong đó trên 70% đồng bào các dân tộc thiểu số.

3.2. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ của Quỹ BV&PTR theo quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP

Sau 10 năm hoạt động bước đầu có thể đánh giá, hệ thống Quỹ BV&PTR được thành lập đã đáp ứng được các mục tiêu, nguyên tắc hoạt động đề ra tại các Điều 3 và 4 của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP. Tuy nhiên, đối chiếu với các nhiệm vụ của Quỹ được quy định tại Điều 6, hệ thống tổ chức Quỹ tại Điều 7, các nguồn tài chính Quỹ tại Điều 9, Quỹ BV&PTR chỉ thực hiện được một phần nhiệm vụ (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ BV&PTR theo quy định của Nghị định 05/2008/NĐ-CP

TT	Quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP	Kết quả thực hiện của Quỹ BV&PTR
	Nhiệm vụ của Quỹ (Điều 6)	Đã thực hiện tiếp nhận nguồn ủy thác chi trả DVMTR: 10.026,176 tỷ đồng; Kết quả chủ yếu mới từ 3/6 đối tượng phải chi trả.
	1. Vận động, tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn tài chính hỗ trợ từ NSNN;	
	2. Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định hỗ trợ đầu tư;	Chưa thực hiện.
	3. Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án;	Chưa thực hiện.
1	4. Chỉ đạo, hướng dẫn các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;	Đã thực hiện, nhưng chưa là nhiệm vụ thường xuyên.
	Thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê, kế toán và kiểm toán;	Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành
	5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.	Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được giao.

¹ Tổng hợp số liệu từ các Báo cáo của các Quỹ BV&PTR cấp tỉnh phục vụ Hội nghị sơ kết 10 năm Quỹ BV&PTR

TT	Quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP	Kết quả thực hiện của Quỹ BV&PTR
	Tổ chức Quỹ (Điều 7)	
2	1. Tổ chức quỹ ở Trung ương; 2. Tổ chức Quỹ ở cấp tỉnh; 3. Nhà nước khuyến khích thành lập Quỹ ở cấp huyện, xã, thôn; nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định	Đã thực hiện thành công; Đã thành lập 44 Quỹ tỉnh; Chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ. Các tỉnh, các cơ sở lúng túng trong tổ chức thực hiện.
	Nguồn tài chính hình thành Quỹ (Điều 9)	
3	1. Nguồn tài chính của Quỹ Trung ương: a) NSNN hỗ trợ ban đầu khi thành lập là 100 tỷ đồng và cấp đủ trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày Quỹ được thành lập; b) Tài trợ đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; c) Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác. 2. Nguồn tài chính của Quỹ cấp tỉnh: a) NSNN cấp tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập. Mức hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; b) Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng (quy định tại Điều 10); c) Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; d) Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác; e) Nguồn vốn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.	Nhà nước đã cấp đủ 100 tỷ cho VNFF, nhưng VNFF không sử dụng đến nguồn tiền này. Thu hút hỗ trợ của các tổ chức quốc tế xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách Thực hiện nhận ủy thác từ các bên sử dụng DVMTR là 7.211,627 tỷ đồng. Không thực hiện; Đã thực hiện từ các dự án đóng góp trồng rừng thay thế: 1.368 tỷ đồng Chưa thực hiện; Tiếp nhận ủy thác chi trả DVMTR số tiền: 2.947, 028 tỷ đồng; Tiếp nhận từ VNFF điều phối từ nguồn chi trả DVMTR: 7.175,569 tỷ đồng

3.3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân tồn tại trong tổ chức, hoạt động của Quỹ BV&PTR

Tồn tại, hạn chế:

- Một số quy định vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi quán tính của cơ chế quản lý NSNN. Quỹ là tổ chức tài chính, hoạt động như các đơn vị dự toán ngân sách, nhưng quản lý, tổ chức và hoạt động chủ yếu xoay quanh nhiệm vụ thực hiện ủy thác chi trả DVMTR.

- Chưa có các văn bản QPPL hướng dẫn thành

lập Quỹ BV&PTR cấp huyện, xã, thôn, bản.

- Chưa thực hiện các nhiệm vụ đầu tư theo chương trình, dự án, chưa hỗ trợ các hoạt động phi dự án đã tự hạn chế vai trò dẫn dắt, hướng dẫn các chủ rừng, cộng đồng dân cư đầu tư BV&PTR thực hiện theo chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Thói quen tư duy trong suy nghĩ và hành động đối với quản lý, sử dụng các nguồn NSNN.

- Chưa có bộ luật quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ tài chính Nhà nước.

- Chưa có hướng dẫn cơ chế phối hợp các nguồn lực tài chính từ Quỹ BV&PTR, nguồn chi trả DVMTR với các nguồn lực từ các chương trình, dự án, các chính sách phát triển lâm nghiệp.

- Hình thức tổ chức của Quỹ BV&PTR tại các tỉnh khác nhau. Có tỉnh thuộc UBND tỉnh, có tỉnh thuộc Sở NN&PTNT.

3.4. Một số đề xuất, khuyến nghị

- Tiếp tục nghiên cứu tăng các nguồn thu từ chi trả DVMTR, chú trọng thu từ dịch vụ các bon phát huy vai trò nòng cốt của Quỹ BV&PTR trong phối hợp, lồng ghép thực hiện các chính sách đầu tư cho BV&PTR.

- Triển khai hiệu quả chính sách chi trả DVMTR gắn với thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng đến hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn (diện tích rừng tự quản lý và giao các tổ chức nhà nước không phải chủ rừng).

- Tăng cường vai trò chủ động của hệ thống Quỹ BV&PTR hướng dẫn đầu tư các chương trình, dự án thí điểm theo định hướng Chiến lược phát triển lâm nghiệp.

- Thành lập Quỹ BV&PTR cộng đồng dân cư thôn và triển khai mô hình Quỹ trong Quỹ.

- Xây dựng Luật tổ chức hoạt động Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quy định cơ chế quản lý tài chính phù hợp với tổ chức, hoạt động của hệ thống Quỹ.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá về hệ thống Quỹ BV&PTR và chính sách chi trả DVMTR.

4. KẾT LUẬN

Hệ thống Quỹ BV&PTR trên cả nước qua 10 năm tổ chức hoạt động (2008-2018), bước đầu đã mang lại những kết quả rất khả quan với số lượng Quỹ tỉnh được hình thành, số tiền

thu được và kết quả thực hiện chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Có thể nói, đóng góp của hệ thống Quỹ qua 10 năm cho ngành lâm nghiệp là rất lớn, rất có ý nghĩa. Đồng thời với việc gián tiếp tham gia BVR, hệ thống Quỹ đóng vai trò quan trọng, là bộ máy nòng cốt trực tiếp vận hành cơ chế quản lý tài chính ủy thác chi trả DVMTR. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tổ chức hoạt động hệ thống Quỹ BV&PTR cũng còn nhiều tồn tại, hạn chế cần khắc phục như nhiệm vụ còn bó hẹp trong hoạt động ủy thác chi trả, chưa thực hiện nhiệm vụ đầu tư theo chương trình... Để hệ thống Quỹ BV&PTR tiếp tục phát huy tác dụng, đóng góp nhiều hơn cho công cuộc BV&PTR, hỗ trợ hiệu quả phát triển sinh kế, cải thiện mức sống cho cộng đồng dân cư sống bằng nghề rừng, góp phần tích cực thực hiện thành công chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam đòi hỏi Quỹ đổi mới hoạt động, tăng cường đa dạng hóa nguồn thu, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá về hệ thống Quỹ và chính sách chi trả DVMTR.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017), Báo cáo trình bày tại Hội nghị phát triển dịch vụ môi trường rừng bền vững, tháng 3 năm 2017.
2. Chính Phủ (2008), Nghị định số 05/2008/NĐ-CP về Quỹ BV&PTR ngày 14/01/2008.
3. Phạm Hồng Lượng (2017), Chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam: Kết quả trong thời gian qua và triển vọng trong thời gian tới, Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp.
4. Bùi Thị Minh Nguyệt (2018), Chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt nam – cơ hội thu hút nguồn tài chính cho bảo vệ và phát triển rừng, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, số 26(-6-2018).
5. VNFF (2018), Báo cáo tổng kết 10 năm tổ chức và hoạt động Quỹ BV&PTR giai đoạn (2008-2018), tháng 10 năm 2018.
6. Viện sinh thái rừng và môi trường (2018), Báo cáo đánh giá 10 năm tổ chức và hoạt động của hệ thống Quỹ BV&PTR.

ENHANCING THE OPERATING EFFICIENCY OF VIETNAM FOREST PROTECTION AND DEVELOPMENT FUND

Bui Thi Minh Nguyet¹, Le Van Thanh²

¹*Vietnam National University of Forestry*

²*Vietnam Administration of Forestry*

SUMMARY

The article evaluates the performance of the Forest Protection and Development Fund (VNFF) in the past 10 years (2008-2018) on the aspects of Fund's revenue sources; Revenue structure; Use of Fund's revenue; Achieved operating results in comparison to Fund's objectives and tasks set out according to Decree No. 05/2008/ND-CP. The article has analyzed the achievements and shortcomings of the Fund. After 10 years of implementation, the number of established Funds has increased rapidly to 45 Funds. Total revenue from forest environmental services (FES) is 10,026,176 billion VND, including revenue from PFES and replacement forest planting. The revenue from PFES has contributed 18 percent to the total investment in the forestry sector. This investment helps to effectively manage and protect 6,398 million hectares of forest; reduce poverty; and promote the socialization of the forest profession. In the success of the policy, there is a great role in the VNFF system at all levels in policy implementation. However, there are still some shortcomings, such as the fact that the fund management, organization and operation is mainly around FES payment mandate; Some objectives and tasks have not been implemented or have not been fully implemented. The article has made recommendations to improve the operating efficiency of the Fund in the coming time. They are continuing to study to improve revenue sources in both quantity and structure; Strengthening the proactive role of the fund system; Establishing VNFF at village or community levels; Strengthening communication and promotion about the Fund system and PFES policy...

Keyword: Forest Environmental Service, Forestry Policy, Forest Protection and Development Fund, Payment.

Ngày nhận bài : 05/8/2020

Ngày phản biện : 16/9/2020

Ngày quyết định đăng : 21/9/2020